

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Hà Nội, tháng 03 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2011 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Lê Đăng Thuận	Ủy viên
Ông Vũ Ngọc Đàm	Ủy viên
Bà Phạm Thu Hằng	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Minh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Đăng Thuận	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Phạm Thu Hằng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Minh Hải

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2012



Số: 70/2012/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 12 tháng 03 năm 2012, trình bày từ trang 5 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1226 /KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0933 /KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		279.846.199.206	271.786.236.337
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	23.754.719.031	24.784.736.541
Tiền	111		23.754.719.031	24.784.736.541
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		189.455.965.547	139.056.162.108
Phải thu khách hàng	131		137.737.284.315	118.316.555.240
Trả trước cho người bán	132		48.256.395.964	14.940.167.419
Các khoản phải thu khác	135	5	15.151.873.497	10.026.913.784
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(11.689.588.229)	(4.227.474.335)
Hàng tồn kho	140		66.584.326.979	107.874.635.120
Hàng tồn kho	141	6	66.584.326.979	107.874.635.120
Tài sản ngắn hạn khác	150		51.187.649	70.702.568
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	25.578.218
Tài sản ngắn hạn khác	158		51.187.649	45.124.350
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.499.592.228	58.755.763.424
Tài sản cố định	220		19.062.658.692	13.371.104.522
Tài sản cố định hữu hình	221	7	5.897.363.115	8.712.284.359
- Nguyên giá	222		32.983.974.706	32.290.422.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.086.611.591)	(23.578.137.662)
Tài sản cố định vô hình	227	8	59.067.610	113.365.618
- Nguyên giá	228		225.742.000	225.742.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(166.674.390)	(112.376.382)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	13.106.227.967	4.545.454.545
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		25.050.000.000	25.050.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	10	22.550.000.000	22.550.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	11	2.500.000.000	2.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		20.386.933.536	20.334.658.902
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	20.386.933.536	20.334.658.902
TỔNG TÀI SẢN	270		344.345.791.434	330.541.999.761

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		290.897.212.006	279.807.231.065
Nợ ngắn hạn	310		278.538.030.371	254.209.825.540
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	53.042.888.613	55.830.272.845
Phải trả người bán	312		51.003.724.956	46.157.533.473
Người mua trả tiền trước	313		158.095.616.576	127.287.289.994
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	771.381.750	6.171.192.207
Phải trả người lao động	315		5.896.730.270	9.051.598.715
Chi phí phải trả	316	15	152.051.357	108.759.146
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	4.600.192.163	4.791.742.382
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.975.444.687	4.811.436.778
Nợ dài hạn	330		12.359.181.635	25.597.405.525
Phải trả dài hạn khác	333		4.148.720.060	4.148.720.060
Vay và nợ dài hạn	334	17	1.846.121.760	1.324.578.024
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	18	1.743.357.106	1.674.347.476
Dự phòng phải trả dài hạn	337		2.227.305.086	16.056.082.342
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.393.677.623	2.393.677.623
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		53.448.579.427	50.734.768.696
Vốn chủ sở hữu	410	19	53.448.579.427	50.734.768.696
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.300.000.000	24.300.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.325.000.000	2.325.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		8.036.263.497	8.036.263.497
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		174.720	39.708.561
Quỹ đầu tư phát triển	417		16.155.577.186	13.752.192.156
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.631.564.024	2.281.604.482
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		344.345.791.434	330.541.999.761

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý			293.861.000	293.861.000
Ngoại tệ các loại (USD)			13.205,66	952,92



Lê Minh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2012

Phạm Thu Hằng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	351.203.845.619	363.666.514.522
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	20	29.448.978	13.355.930
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	351.174.396.641	363.653.158.592
Giá vốn hàng bán	11	21	330.623.613.729	307.280.362.371
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.550.782.912	56.372.796.221
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	5.460.193.835	4.038.645.705
Chi phí tài chính	22	23	10.293.871.983	7.282.760.504
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.325.516.286	6.922.154.218
Chi phí bán hàng	24	24	(11.182.086.867)	13.065.962.371
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	20.367.206.280	22.614.809.996
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.531.985.351	17.447.909.055
Thu nhập khác	31	26	2.830.468.122	2.321.781.039
Chi phí khác	32	27	1.967.975.936	2.175.327.366
Lợi nhuận khác	40		862.492.186	146.453.673
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.394.477.537	17.594.362.728
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	395.286.707	1.789.853.499
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.999.190.830	15.804.509.229
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.880	6.309



Lê Minh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2012

Phạm Thu Hằng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		7.394.477.537	17.594.362.728
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		3.331.937.176	3.035.045.807
Các khoản dự phòng	3		7.462.113.894	10.926.974.713
(Lãi) hoạt động đầu tư	5		(5.427.112.371)	(3.788.997.632)
Chi phí lãi vay	6		9.325.516.286	6.922.154.218
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		22.086.932.522	34.689.539.834
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9		(52.706.109.800)	40.460.730.353
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		36.805.752.120	(24.926.212.673)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		13.071.289.510	(49.536.176.482)
(Tăng) chi phí trả trước	12		(52.274.634)	(20.334.658.902)
Tiền lãi vay đã trả	13		(8.980.459.434)	(6.702.520.748)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.013.517.421)	(956.340.537)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	228.001.873
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(182.090.000)	(192.444.754)
	20		8.029.522.863	(27.270.082.036)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.150.427.097)	(8.284.832.150)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		80.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		215.287.120	364.802.554
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.855.139.977)	(7.920.029.596)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		197.968.781.926	204.049.537.973
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(200.528.394.016)	(159.424.321.260)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.645.000.000)	(2.127.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.204.612.090)	42.497.716.713
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.030.229.204)	7.307.605.081
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	24.784.736.541	17.477.168.434
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		211.694	(36.974)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	23.754.719.031	24.784.736.541



Lê Minh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2012

Phạm Thu Hằng
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 111/2004/QĐ-BCN ngày 13/10/2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển Nhà máy cơ khí Yên Viên thuộc Công ty Sản xuất Thiết bị điện thành Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103007120 ngày 30/03/2005, thay đổi đăng ký kinh doanh lần 1 ngày 07/04/2006, thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 08/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty chuyển sang Công ty Cổ phần từ ngày 01/04/2005, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 5 ngày 26/07/2010 với nội dung thay đổi mã số doanh nghiệp và người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính đặt tại số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là 24,3 tỷ đồng, chia thành 2.430.000 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các Cổ đông đã đăng ký lưu ký 1.226.870 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt và được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn UPCOM với mã chứng khoán PEC (ngày chào sàn 06/10/2010).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, mua bán các cấu kiện thép, sắt thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình, cột điện bằng thép mạ kẽm có cấp điện áp đến 500KV, kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn của các nhà máy thủy điện và nhiệt điện) và kim loại màu;
- Sản xuất thiết bị phân phối điện (phụ kiện đường dây và trạm cao, trung hạ thế);
- Xây dựng công trình công nghiệp (xây lắp đường dây và trạm có cấp điện áp đến 220KV, xây lắp các công trình viễn thông);
- Xuất nhập khẩu những mặt hàng mà Công ty kinh doanh;
- Sửa chữa thiết bị, xây lắp các công trình nhà máy nhiệt điện, thủy điện;
- Vận tải hàng hoá; và
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe; cho thuê nhà nhằm mục đích kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, mua bán các cấu kiện thép, sắt thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình, cột điện bằng thép mạ kẽm có cấp điện áp đến 500KV, kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn của các nhà máy thủy điện và nhiệt điện) và kim loại màu;
- Sản xuất thiết bị phân phối điện (phụ kiện đường dây và trạm cao, trung hạ thế)
- Xây dựng công trình công nghiệp (xây lắp đường dây và trạm có cấp điện áp đến 220KV, xây lắp các công trình viễn thông);
- Xuất nhập khẩu những mặt hàng mà Công ty kinh doanh; và
- Sửa chữa thiết bị, xây lắp các công trình nhà máy nhiệt điện, thủy điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2011 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2010.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	20 - 27
Máy móc, thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	7 - 8
Thiết bị văn phòng	5

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình tại Công ty là giá trị của phần mềm kế toán.

Thời gian khấu hao của tài sản cố định vô hình được xác định theo thời gian sử dụng ước tính là 5 năm. Công ty trích khấu hao nhanh 2 lần mức khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng.

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào các Công ty con và công ty liên kết; đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu. Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi cho từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi cho từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (được khách hàng chấp nhận nếu quy định điều khoản này trong hợp đồng xây dựng) được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

3.12 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”) hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Thông tư 201 có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực này tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Nếu áp dụng Chuẩn mực này, doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2011 của Công ty sẽ tăng lên là: 174.720 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.14 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Theo Nghị định 101/2011/NĐ-CP ngày 04/11/2011 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06/08/2011 của Quốc Hội về việc ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân. Công ty được giảm 30% số thuế phải nộp do đáp ứng điều kiện Doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực sản xuất.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết về các quyết định đối với chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý. Theo đó, các bên liên quan của Công ty là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, các Công ty con do Công ty đầu tư và chi phối, các Công ty và các Cổ đông lớn của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	161.006.500	59.854.000
Tiền gửi ngân hàng	23.593.712.531	24.724.882.541
	23.754.719.031	24.784.736.541

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	14.805.979.821	9.669.687.205
Phải thu khác	345.893.676	357.226.579
+ Công ty TNHH MTV Cơ Khí Nguồn Điện	212.433.360	212.433.360
+ Phải thu Bảo hiểm xã hội	94.707.362	100.976.485
+ Phải thu thuế thu nhập cá nhân	27.064.706	-
+ Phải thu khác	11.688.248	43.816.734
	15.151.873.497	10.026.913.784

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	54.180.943.424	56.747.912.828
Công cụ, dụng cụ	110.885.394	67.438.368
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.265.277.930	3.724.041.179
Thành phẩm	6.027.220.231	47.335.242.745
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	66.584.326.979	107.874.635.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2011	10.553.422.107	14.894.916.617	6.007.262.552	801.449.316	33.371.429	32.290.422.021
- Mua trong năm	-	694.168.000	-	27.765.637	-	721.933.637
- Thanh lý, nhượng bán	-	(28.380.952)	-	-	-	(28.380.952)
31/12/2011	10.553.422.107	15.560.703.665	6.007.262.552	829.214.953	33.371.429	32.983.974.706
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2011	(7.832.296.488)	(10.708.529.187)	(4.425.173.055)	(610.436.551)	(1.702.381)	(23.578.137.662)
- Khấu hao trong năm	(448.776.489)	(2.140.870.931)	(769.169.508)	(162.446.756)	(11.123.832)	(3.532.387.516)
- Thanh lý, nhượng bán	-	23.913.587	-	-	-	23.913.587
31/12/2011	(8.281.072.977)	(12.825.486.531)	(5.194.342.563)	(772.883.307)	(12.826.213)	(27.086.611.591)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2011	2.721.125.619	4.186.387.430	1.582.089.497	191.012.765	31.669.048	8.712.284.359
31/12/2011	2.272.349.130	2.735.217.134	812.919.989	56.331.646	20.545.216	5.897.363.115

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2011	225.742.000	225.742.000
31/12/2011	<u>225.742.000</u>	<u>225.742.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2011	(112.376.382)	(112.376.382)
- Khấu hao trong năm	(54.298.008)	(54.298.008)
31/12/2011	<u>(166.674.390)</u>	<u>(166.674.390)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2011	<u>113.365.618</u>	<u>113.365.618</u>
31/12/2011	<u>59.067.610</u>	<u>59.067.610</u>

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011 <u>VND</u>	01/01/2011 <u>VND</u>
Công trình Nhà máy tại Hải Dương	13.106.227.967	4.545.454.545
	<u>13.106.227.967</u>	<u>4.545.454.545</u>

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2011			01/01/2011		
	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Nguồn Điện	20.000.000.000	100%	100%	20.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Xây lắp PEC	2.550.000.000	51%	51%	2.550.000.000	51%	51%
	<u>22.550.000.000</u>			<u>22.550.000.000</u>		

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc, số tiền là 2,5 tỷ đồng tương đương với 250.000 cổ phiếu; tỷ lệ sở hữu là 5% vốn điều lệ.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí thuê 5000 m2 đất tại Hải Dương, thời gian cho thuê là 49 năm. Công ty đang hoàn tất thủ tục để nhận bàn giao Quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn		-
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	53.042.888.613	55.380.272.845
	<u>53.042.888.613</u>	<u>55.380.272.845</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế GTGT	104.016.328	4.105.857.263
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	383.622.592	2.001.853.306
Thuế thu nhập cá nhân	27.064.706	63.481.638
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	256.678.124	-
	<u>771.381.750</u>	<u>6.171.192.207</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Số dư cuối năm là chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương.

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	727.825.181	596.844.564
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.872.366.982	4.194.897.818
+ Tiền phạt nộp thuế theo quyết toán thuế	-	208.803.920
+ Phải trả cổ tức	3.645.299.700	3.645.000.000
+ Phải trả, phải nộp khác	227.067.282	341.093.898
	<u>4.600.192.163</u>	<u>4.791.742.382</u>

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Số dư cuối năm là khoản vay các cá nhân Công ty, lãi suất xác định theo lãi vay ngân hàng từng thời kỳ và tiền lãi được cộng gộp vào gốc vay.

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số dư cuối năm là số trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm theo Quyết định số 462a/QĐ-PEC ngày 27/12/2010 của Ban Tổng Giám đốc với tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm năm 2010 là 5% doanh thu của hạng mục công trình đã hoàn thành bàn giao cho khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
Số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2010	24.300.000.000	2.325.000.000	8.036.263.497	3.869.754	4.554.349.810	1.515.117.620	2.127.500.000	42.862.100.681
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	-	15.804.509.229	15.804.509.229
- Tăng khác	-	-	-	39.708.561	-	-	242.801.873	282.510.434
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	9.197.842.346	766.486.862	(17.457.237.244)	(7.492.908.036)
<i>Cổ tức năm trước</i>	-	-	-	-	-	-	(2.127.500.000)	(2.127.500.000)
<i>Chi cổ tức năm nay</i>	-	-	-	-	-	-	(3.645.000.000)	(3.645.000.000)
<i>Các quỹ thuộc VCSH</i>	-	-	-	-	9.197.842.346	766.486.862	(9.964.329.208)	-
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	-	(1.720.408.036)	(1.720.408.036)
- Giảm khác	-	-	-	(3.869.754)	-	-	(717.573.858)	(721.443.612)
31/12/2010	24.300.000.000	2.325.000.000	8.036.263.497	39.708.561	13.752.192.156	2.281.604.482	-	50.734.768.696
01/01/2011	24.300.000.000	2.325.000.000	8.036.263.497	39.708.561	13.752.192.156	2.281.604.482	-	50.734.768.696
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	6.999.190.830	6.999.190.830
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	2.403.385.030	349.959.542	(6.999.190.830)	(4.245.846.258)
<i>Chi cổ tức năm nay</i>	-	-	-	-	-	-	(3.645.000.000)	(3.645.000.000)
<i>Các quỹ thuộc VCSH</i>	-	-	-	-	2.403.385.030	349.959.542	(2.753.344.572)	-
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	-	(600.846.257)	(600.846.257)
Giảm khác	-	-	-	(39.533.841)	-	-	-	(39.533.841)
31/12/2011	24.300.000.000	2.325.000.000	8.036.263.497	174.720	16.155.577.186	2.631.564.024	-	53.448.579.427

(*): Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết 487a/QĐ-PEC ngày 30/12/2011 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****19.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	10.200.000.000	10.200.000.000
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	10.200.000.000	10.200.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	14.100.000.000	14.100.000.000
- Các Cổ đông sáng lập khác	2.068.300.000	2.068.300.000
- Cổ đông khác	12.031.700.000	12.031.700.000
	24.300.000.000	24.300.000.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	48.600.000.000	48.600.000.000
+ Vốn góp đầu năm	24.300.000.000	24.300.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	24.300.000.000	24.300.000.000
Lợi nhuận đã phân phối	6.999.190.830	5.772.500.000

19.4 CỔ TỨC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán	3.645.000.000	3.645.000.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:	3.645.000.000	3.645.000.000

19.5 CỔ PHIẾU

	31/12/2011	01/01/2011
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	2.430.000	2.430.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.430.000	2.430.000
+ Cổ phiếu thường	2.430.000	2.430.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.430.000	2.430.000
+ Cổ phiếu thường	2.430.000	2.430.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.6 CÁC QUỸ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	16.155.577.186	13.752.192.156
Quỹ dự phòng tài chính	2.631.564.024	2.281.604.482

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	351.203.845.619	363.666.514.522
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	318.054.545.641	326.195.052.950
+ Doanh thu bán thành phẩm	276.046.515.012	265.661.071.513
+ Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	42.008.030.629	60.533.981.437
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.149.299.978	37.471.461.572
+ Doanh thu dịch vụ mạ	33.143.974.978	37.471.461.572
+ Doanh thu dịch vụ khác	5.325.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	29.448.978	13.355.930
Trong đó:		
+ Hàng bán bị trả lại	29.448.978	13.355.930
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	351.174.396.641	363.653.158.592
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	318.025.096.663	-
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-	-
	318.025.096.663	

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	259.017.458.779	217.994.789.634
Giá vốn của hàng hóa, vật tư đã bán	40.196.368.891	59.517.882.506
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	31.409.786.059	29.767.690.231
	330.623.613.729	307.280.362.371

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	90.287.120	314.802.554
Lãi từ Công ty TNHH MTV Cơ Khí Nguồn Điện	5.136.292.616	3.424.195.078
Cổ tức, lợi nhuận được chia	125.000.000	50.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	108.614.099	249.648.073
	5.460.193.835	4.038.645.705

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	9.325.516.286	6.922.154.218
Lỗ mua, bán ngoại tệ	61.010.662	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	907.335.135	360.606.286
Chi phí tài chính khác	9.900	-
	10.293.871.983	7.282.760.504

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí bảo hành Công trình	2.227.305.086	10.583.252.663
Hoàn nhập chi phí bảo hành hàng hóa, dịch vụ cung cấp đã trích năm trước (*)	(16.056.082.342)	-
Chi phí hoa hồng môi giới và phát triển khách hàng	1.359.306.000	1.353.911.000
Chi phí bằng tiền khác	1.287.384.389	1.128.798.708
	(11.182.086.867)	13.065.962.371

(*) Số hoàn nhập chi phí bảo hành trong năm là chi phí bảo hành các hàng hóa, dịch vụ đã trích từ năm 2009, 2010. Đến ngày 31/12/2011 đã hết thời hạn bảo hành theo hợp đồng nhưng không phát sinh chi phí về bảo hành, Công ty thực hiện hoàn nhập lại chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.346.626.151	14.381.179.853
Chi phí vật liệu quản lý	536.891.608	801.289.300
Chi phí đồ dùng văn phòng	329.301.273	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.120.753.275	1.415.423.323
Thuế phí, lệ phí	550.859.248	192.852.162
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	7.462.113.894	343.722.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	656.646.163	1.075.892.961
Chi phí phát triển khoa học công nghệ	-	1.574.708.257
Chi phí bằng tiền khác	2.364.014.668	2.829.742.090
	20.367.206.280	22.614.809.996

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập từ bán phế liệu	2.733.382.941	2.313.462.609
Thu thanh lý Tài sản	80.000.000	-
Thu nhập khác	17.085.181	8.318.430
	2.830.468.122	2.321.781.039

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí bán phế liệu	1.955.522.710	2.164.350.516
Giá trị còn lại của Tài sản đã thanh lý	4.467.365	-
Chi phí khác	7.985.861	10.976.850
	1.967.975.936	2.175.327.366

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.394.477.537	17.594.362.728
Các khoản chi phí không được khấu trừ	125.596.263	52.206.667
- Các khoản chi phí (phạt + bị loại trừ)	73.389.596	52.206.667
- Khấu hao ô tô có nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng	52.206.667	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	5.261.292.616	3.474.195.078
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.261.292.616	3.474.195.078
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	2.258.781.184	14.172.374.317
Thu nhập chịu thuế suất 25%	2.258.781.184	146.453.673
Thu nhập được ưu đãi thuế (giảm 50%)	-	14.025.920.644
Thu nhập được ưu đãi thuế (giảm 30%) theo Nghị định 101/2011/NĐ-CP ngày 04/11/2011	2.258.781.184	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	395.286.707	1.789.853.499

29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	6.999.190.830	15.329.737.244
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	2.430.000	2.430.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.880	6.309

29.1 LỢI NHUẬN THUẬN THUỘC VỀ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	6.999.190.830	15.804.509.229
Thuế phải nộp theo kết quả quyết toán thuế	-	(717.573.858)
Tăng khác	-	242.801.873
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.999.190.830	15.329.737.244

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

29.2 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH

	Năm 2011 CP	Năm 2010 CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	2.430.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	-	430.000
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	2.430.000	2.430.000

30. THÔNG TIN KHÁC

30.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu với các bên liên quan	14.047.738.530	41.073.871.116
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Nguồn Điện	14.040.277.380	41.016.356.547
- Công ty TNHH Xây Lắp PEC	7.461.150	57.514.569
Mua hàng từ các bên liên quan	46.473.850.880	95.816.131.123
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Nguồn Điện	42.694.669.173	95.169.301.380
- Công ty TNHH Xây Lắp PEC	3.779.181.707	646.829.743

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng thu nhập của Ban Giám đốc	665.205.979	756.673.795
- Lương và phụ cấp	665.205.979	756.673.795

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu khách hàng	11.112.229.273	17.324.437.332
Công ty TNHH MTV Cơ khí Nguồn điện	11.112.229.273	17.324.437.332
Các khoản phải thu khác	15.018.413.181	9.882.120.565
Công ty TNHH MTV Cơ khí Nguồn điện	15.018.413.181	9.882.120.565
<i>Phải thu tiền cổ tức</i>	<i>14.805.979.821</i>	<i>9.669.687.205</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>212.433.360</i>	<i>212.433.360</i>
Các khoản phải trả người bán	4.453.443.813	3.373.841.267
Công ty TNHH Xây Lắp PEC	4.453.443.813	3.373.841.267
Các khoản phải trả khác	5.679.620.060	5.679.620.060
Phải trả tiền vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.148.720.060	4.148.720.060
Phải trả tiền cổ tức Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.530.900.000	1.530.900.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán.



Lê Minh Hải

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2012

Phạm Thu Hằng

Kế toán trưởng